

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HS-ST
Ngày 30-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Phương – Cán bộ hưu trí.
- Ông Đỗ Minh Châu – Phó hiệu trưởng trường THPT Tuy Phước 1.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hồng Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS, ngày 16 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 101/2025/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 10 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Phạm Duy K, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2007, tại tỉnh Gia Lai; CCCD: 052207001946; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/4/2025, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 29/2025/HSST; ngày 15/5/2025, bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 07 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với 09 tháng tù tại Bản án số 29/2025/HSST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, buộc Phạm Duy K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 tháng tù theo Bản án số 23/2025/HSST; bị cáo đang chấp hành án trong 01 vụ án khác; có mặt.

2. Võ Hà N, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2007, tại tỉnh Gia Lai; CCCD: 052207005823; nơi cư trú: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn V và bà Nguyễn Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Ngày 11/4/2025, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 29/2025/HSST; ngày 15/5/2025, bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 07 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với 09 tháng tù tại Bản án số 29/2025/HSST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, buộc Võ Hà N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 tháng tù theo Bản án số 23/2025/HSST; bị cáo đang chấp hành án trong 01 vụ án khác; có mặt.

3. Trần Ngọc V1, sinh năm 1971, tại tỉnh Gia Lai; CCCD: 052071015947; nơi cư trú: Số nhà D T, phường B, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Q (chết) và bà Trần Thị H2 (chết); có vợ và chưa có con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 11/4/2025, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 29/2025/HSST; ngày 15/5/2025, bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt với 12 tháng tù, tại Bản án số 29/2025/HSST ngày 11/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, buộc Trần Ngọc V1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 tháng tù theo Bản án số 23/2025/HSST; bị cáo đang chấp hành án trong 01 vụ án khác; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo K: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N: Ông Võ Văn V, sinh năm 1980, bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Q, xã T, tỉnh Gia Lai; ông V vắng mặt bà H1 có mặt.

Người bào chữa của bị cáo N: Bà Lê Tôn Nữ Kim Y – trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Việt D, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Gia Lai; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Ngô Nguyễn Huy H3, sinh năm 2007; vắng mặt.
2. Anh Man Như P, sinh năm 2007; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 16/5/2024, trong lúc uống cà phê tại quán Z ở phường B, tỉnh Gia Lai, Phạm Duy K rủ Võ Hà N đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 77G1-421.83 (xe thuê của ông Trương Văn H4) chở K đi dạo trên đường tìm các xe ô tô tải đang đỗ, không có người trông coi

đề trộm cắp bình ắc quy. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường bê tông liên xóm thuộc thôn B, xã T, tỉnh Gia Lai, K và N thấy chiếc xe máy đào của ông Nguyễn Việt D đang đỗ gần cây cầu bê tông, không có người trông coi nên cả hai đi đến trộm cắp tài sản. Tại đây, N đứng cạnh xe mô tô để cảnh giới, còn K dùng cờ lê cỡ số 13 mang theo tháo ốc cọc bình, lấy trộm 02 chiếc bình ắc quy loại bình nước 12V-100AH, nhãn hiệu: GLOBE trong xe máy đào. Sau đó, N điều khiển xe mô tô chở K mang 02 chiếc bình ắc quy vừa trộm cắp được đến cất giấu tại một bụi cây phía sau quán “Dê 02” ở phường B, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 07 giờ 00 phút ngày 17/5/2024, K điều khiển xe mô tô biển số 77G1-421.83 chở N mang 02 chiếc bình ắc quy đã trộm cắp được vào đêm ngày 16/5/2024 đến tiệm mua bán, sửa chữa bình ắc quy “Ngọc V1” ở D T, phường B, tỉnh Gia Lai bán cho Trần Ngọc V1. Biết 02 bình ắc quy này là tài sản do K và N trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên V1 đồng ý thu mua. Sau khi kiểm tra, V1 đồng ý mua 02 bình ắc quy trên với giá 700.000 đồng. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày, V1 bán 02 chiếc bình ắc quy trên cho một người đàn ông đi thu mua phế liệu (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 850.000 đồng. Số tiền 700.000 đồng có được từ việc bán 02 chiếc bình ắc quy đã trộm cắp, K và N đã chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 02 bình ắc quy có đặc điểm giống nhau, loại bình nước 12V-100AH, nhãn hiệu GLOBE, được mua mới và sử dụng từ tháng 02/2024 tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị thành tiền là 2.800.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Duy K, Võ Hà N và Trần Ngọc V1 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Ngoài ra, Phạm Duy K và Võ Hà N còn khai nhận trong đêm ngày 16/5/2024, K và N còn trộm cắp 03 bình ắc quy gắn trong 02 xe ô tô tải đỗ tại đoạn đường gần cửa hàng Đ thuộc phường B, tỉnh Gia Lai và trong khoảng thời gian từ ngày 10/5/2024 đến ngày 14/5/2024, K, N và Ngô Nguyễn Huy H3 còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn xã P và xã P cũ được tổng cộng 07 bình ắc quy, cụ thể: Vào ngày 10/5/2024, trộm cắp 04 bình ắc quy gắn trong 02 xe lu (mỗi xe 02 chiếc) đỗ trên tuyến đường “A - T”, đoạn qua thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai; vào ngày 11/5/2024, trộm cắp 01 bình ắc quy gắn trong xe máy ủi đỗ trên tuyến đường “A - T”, đoạn qua thôn T, xã T, tỉnh Gia Lai và vào ngày 14/5/2024, trộm cắp 02 bình ắc quy gắn trong xe ô tô tải đỗ trên tuyến đường “A - T”, đoạn qua thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai. Sau khi trộm cắp được các tài sản trên, K và N đem đến tiệm mua bán, sửa chữa bình ắc quy “Ngọc V1” bán cho Trần Ngọc V1 lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tiến hành xác minh và thông báo truy tìm bị hại trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không xác định được bị hại.

Về dân sự: Ông Nguyễn Việt D yêu cầu Phạm Duy K và Võ Hà N bồi thường số tiền 2.800.000 đồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo Phạm Duy K và Võ Hà N đã liên hệ bồi thường cho bị hại số tiền 2.800.000 đồng. Bị hại

không nhận tiền mà gửi lại cho cha mẹ 02 bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKSKV2 ngày 03 tháng 9 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Phạm Duy K, Võ Hà N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và Trần Ngọc V1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phân tích lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Phạm Duy K từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Võ Hà N từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Ngọc V1 từ 06 đến 09 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của các bị cáo tại Bản án số 23/2025/HSST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai).

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Trần Ngọc V1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 150.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Phạm Duy K và Võ Hà N đã bồi thường cho ông Nguyễn Việt D số tiền 2.800.000 đồng, ông D không yêu cầu bồi thường gì nữa nên không xem xét.

Tại luận cứ bào chữa cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Võ Hà N đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 119, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Võ Hà N từ 06 đến 09 tháng tù.

Bị hại vắng mặt nhưng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Duy K và Võ Hà N.

Quá trình điều tra truy tố và xét xử, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Duy K chưa đủ 18 tuổi. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra chưa đề nghị cử người bào chữa cho bị cáo tham gia tố tụng. Đến ngày xét xử bị cáo đủ 18 tuổi và tại phiên tòa bị cáo không đề nghị cử người bào chữa cho mình. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thu thập được nên có đầy đủ căn cứ xác định: Phạm Duy K và Võ Hà N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/5/2024, tại thôn B, xã T, tỉnh Gia Lai, Phạm Duy K và Võ Hà N đã có hành vi lén lút trộm cắp 02 bình ắc quy, loại bình nước 12V-100AH, nhãn hiệu GLOBE trị giá 2.800.000 đồng gắn trong xe máy đào hiệu Komatsu của ông Nguyễn Việt D, rồi đem đến tiệm mua bán, sửa chữa bình ắc quy “Ngọc V1” bán cho Trần Ngọc V1 với giá 700.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Trần Ngọc V1 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự mặc dù biết rõ 02 bình ắc quy, loại bình nước 12V-100AH, nhãn hiệu GLOBE mà Phạm Duy K và Võ Hà N đem đến bán cho mình là do K và N trộm cắp mà có nhưng vẫn mua để bán lại kiếm lời. Tổng số tiền mà Trần Ngọc V1 đã thu lợi bất chính từ việc mua bán 02 bình ắc quy trên là 150.000 đồng. Hành vi của bị cáo V1 đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo Phạm Duy K và Võ Hà N đã liên hệ bồi thường cho bị hại số tiền 2.800.000 đồng. Bị hại không nhận tiền mà gửi lại cho cha mẹ 02 bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, bị cáo K và bị cáo N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo K và N. Hội đồng xét xử xem xét cho 02 bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Các bị cáo N và K có hành vi rủ rê đi trộm cắp tài sản, thực hiện liên tiếp nhiều vụ trộm cắp, có vụ đã bị xử phạt và có những vụ chưa tìm được bị hại. Xét nhân thân của 02 bị cáo cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, 02 bị cáo là đồng phạm giản đơn, có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, khi phạm tội, bị cáo Phạm Duy K 17 tuổi 28 ngày, bị cáo Võ Hà N 17 tuổi 19 ngày nên nhận thức còn hạn chế, cần áp dụng các Điều 119, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

[7] Bị cáo V1 là người đã thành niên, khi biết tài sản mà K và N bán là tài sản trộm cắp không những không báo cáo mà còn nhiều lần tiêu thụ. Hành vi tiếp tay của bị cáo góp phần thúc đẩy việc trộm cắp tài sản ngày càng gia tăng. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc và cách ly khỏi xã hội 01 thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo đang chấp hành hình phạt theo Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Do đó, áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, Điều 122 của Luật tư pháp người chưa thành niên để tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[09] Đối với số tiền 150.000 đồng bị cáo V1 thu lợi từ việc bán lại các bình ắc quy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Trần Ngọc V1 phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 150.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với các vụ trộm cắp tài sản mà Phạm Duy K và Võ Hà N khai nhận đã cùng nhau thực hiện và cùng với Ngô Nguyễn Huy H3 và Man Như P thực hiện, gồm: Trộm cắp 03 bình ắc quy gắn trong 02 xe ô tô tải đỗ tại đoạn đường gần cửa hàng Đ thuộc phường B, tỉnh Gia Lai vào tối ngày 16/5/2024; trộm cắp 04 bình ắc quy gắn trong 02 xe lu đỗ trên tuyến đường "A - T", đoạn qua thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai vào tối ngày 10/5/2024; trộm cắp 01 bình ắc quy gắn trong xe máy

ủi đồ trên tuyến đường “A - T”, đoạn qua thôn T, xã T, tỉnh Gia Lai vào tối ngày 11/5/2024 và trộm cắp 02 bình ắc quy gắn trong xe ô tô tải đồ trên tuyến đường “A - T”, đoạn qua thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai vào tối ngày 14/5/2024. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tiến hành xác minh và thông báo truy tìm bị hại trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn không xác định được bị hại, không xác định được đặc điểm, nhãn hiệu các bình ắc quy mà K và N khai đã trộm cắp nên không có căn cứ để định giá. Do đó, không có đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với các vụ trộm cắp tài sản mà Phạm Duy K và Võ Hà N khai nhận đã thực hiện ở trên. Khi nào xác định được bị hại, có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của các đối tượng sẽ xử lý sau.

[11] Đối với ông Trương Văn H4 là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô biển số 77G1-421.83, nhưng khi Phạm Duy K và Võ Hà N sử dụng chiếc xe mô tô này để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản ông H4 không biết nên không phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xử lý hình sự đối với ông Trương Văn H4 là có căn cứ, đúng quy định.

[12] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự; Điều 119, Điều 122, Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên đối với bị cáo Phạm Duy K và Võ Hà N;

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc V1;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47; Điều 56 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Duy K, Võ Hà N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc V1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Duy K 05 (năm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 16 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 15

tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Võ Hà N 05 (năm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 16 tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc V1 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 21 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Buộc bị cáo Trần Ngọc V1 nộp lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Duy K, Võ Hà N và Trần Ngọc V1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2- Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên